

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 12-NQ/HU về sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện Đam Rông

Ngày 10/7/2019, Huyện ủy Đam Rông đã ban hành Nghị Quyết số 12-NQ/HU về sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện Đam Rông (gọi tắt là *Nghị quyết 12-NQ/HU*). Sau 03 năm thực hiện Nghị quyết, Huyện ủy Đam Rông báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Công tác chỉ đạo

Sau khi Nghị quyết được ban hành; Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo, quán triệt nội dung của Nghị quyết đến các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc và cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở để xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bảo đảm thúc đẩy và phấn đấu hoàn thành mục tiêu đề ra. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 01/10/2019 “*V/v thực hiện Nghị quyết 12-NQ/HU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện Đam Rông*” và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc, đề ra giải pháp thực hiện, lồng ghép các nguồn lực được phân bổ hàng năm nhằm phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đề ra.

Trên cơ sở Nghị quyết số 12-NQ/HU và Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 01/10/2019 của UBND huyện; các đơn vị liên quan và UBND các xã đã cụ thể hóa, tổ chức thực hiện ở đơn vị, địa phương theo nội dung, yêu cầu chỉ đạo. Đồng thời, các đơn vị đã bám sát thực tế sản xuất, tín hiệu thị trường để tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện gắn với tăng cường việc tổ chức hướng dẫn, trao đổi đầu bờ, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phát triển Hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất... tạo sự lan tỏa, tạo tiền đề nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tuyên truyền, tập huấn

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo UBND huyện chú trọng chỉ đạo các cấp, các ngành và UBND các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền,

vận động đề cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn huyện nâng cao nhận thức, chủ động các nguồn lực để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, từng bước ứng dụng công nghệ vào sản xuất trên địa bàn.

- Các phòng ban chuyên môn đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, giao trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, công chức đơn vị, qua đó nhiều cán bộ công chức đã chủ động bám sát cơ sở, tham mưu thực hiện hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Nghị quyết đề ra.

- Về đào tạo, tập huấn: Từ năm 2019 đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã tổ chức 69 lớp đào tạo, tập huấn với 4.202 lượt người tham gia; trong đó: đào tạo nghề nông thôn 11 lớp, với 222 học viên; tập huấn, hội thảo đầu bờ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, kỹ năng sản xuất 58 đợt, với hơn 3.980 lượt người tham dự.

2. Kết quả phát triển sản xuất

Với đặc điểm cơ cấu kinh tế của huyện chủ yếu là nông nghiệp, vì vậy trong suốt thời gian qua, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, tăng cường công tác khuyến nông, tạo điều kiện thuận lợi cho nông hộ, hộ nghèo và cận nghèo được vay vốn phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập. Đặc biệt, sau khi Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 12-NQ/HU; UBND huyện đã tập trung chỉ đạo và lồng ghép các nguồn lực để thúc đẩy mục tiêu đề ra.

Qua 03 năm thực hiện Nghị quyết, tổng nguồn vốn lồng ghép đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên toàn huyện là 1.231,32 tỷ đồng, trong đó: hỗ trợ sản xuất, phát triển sinh kế 41.326 triệu đồng; đầu tư hạ tầng nông nghiệp 470.911 triệu đồng; vốn tín dụng phục vụ sản xuất 728.508 triệu đồng. Cùng với sự quan tâm đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng hạ tầng nông thôn; sự phối hợp tuyên truyền, vận động kịp thời, tích cực của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, tình hình thời tiết và thị trường cơ bản thuận lợi nên sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có bước phát triển.

Đến nay, tổng diện tích canh tác toàn huyện đạt trên 20.338 ha, tăng 1.124,9 ha, tương đương tăng 5,9 % so với năm 2018 (*năm 2018 tổng diện tích canh tác là 19.213,1 ha*), trong đó: cây hàng năm 4.629 ha, cây lâu năm 15.709 ha; giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2021 ước đạt 1.359,3 triệu đồng, tăng 1,3 lần so với năm 2018 (*thời điểm trước khi NQ được ban hành*), tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp đạt 10 %/năm (*mục tiêu NQ đề ra 9 -10%/năm*); cụ thể:

2.1. Về trồng trọt

Thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến nông, hướng dẫn quy trình, kỹ thuật chăm sóc cây trồng; vận động chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả

sang trồng các loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao như: chuyển đổi diện tích đất sản xuất kém hiệu quả ven sông, suối sang trồng dâu nuôi tằm; tái canh, ghép cải tạo vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp; trồng xen cây ăn quả trong vườn cà phê... Đồng thời, xây dựng các mô hình trình diễn, hội thảo đầu bờ, quy hoạch sản xuất theo từng tiểu vùng để góp phần nâng cao năng suất cây trồng, tăng thu nhập cho nông hộ. Ngoài ra, UBND huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo, thành lập các đoàn công tác để quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp trên địa bàn. Từ năm 2019 đến nay, các cơ quan liên quan đã tổ chức 5 đợt kiểm tra giống cây trồng, vật tư nông nghiệp trên địa bàn. Qua đó đã kịp thời xử lý 15 trường hợp kinh doanh cây giống, thuốc bảo vệ thực vật kém chất lượng trên địa bàn với số tiền 153,58 triệu đồng (năm 2019 xử lý 13 cơ sở/130,73 triệu đồng; năm 2020 xử lý 02 cơ sở/22,85 triệu đồng).

a. Cây lương thực

- **Cây lúa:** Tiếp tục duy trì sản xuất đồng trà, đồng vụ; xây dựng các mô hình trình diễn thâm canh giống lúa mới có năng suất cao như OM 5451, Đài Thơm... tổ chức trao đổi, hội thảo đầu bờ kỹ thuật sản xuất theo từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa để nông hộ nâng cao kỹ năng sản xuất, từng bước ứng dụng các giống mới vào sản xuất góp phần tăng thu nhập trên đơn vị diện tích (từ năm 2019 đến nay, đã xây dựng 10 mô hình/30 ha ở các xã: Đa Long, Đa M'Rông, Đa Tông, Liêng Srônh, năng suất đạt từ 70 - 80 tạ/ha); chuyển đổi 75 ha đất sản xuất lúa 1 vụ kém hiệu quả sang trồng dâu nuôi tằm. Đến nay, diện tích lúa gieo trồng cả năm toàn huyện là 1.808 ha (giảm 248 ha so với năm 2018), năng suất trung bình đạt 48,8 tạ/ha (tăng 2 tạ/ha so với năm 2018).

- **Cây ngô:** Tập trung chuyển đổi các giống ngô năng suất thấp sang gieo trồng các giống ngô lai có năng suất cao như: Bioside 9698, C919, ĐK888... Đối với một số diện tích sản xuất ven sông, suối kém hiệu quả, huyện đã chỉ đạo chuyển đổi sang trồng dâu nuôi tằm; đến nay, toàn huyện đã chuyển đổi hơn 70 ha đất trồng ngô kém hiệu quả sang trồng dâu nuôi tằm. Tổng diện tích trồng ngô của toàn huyện còn 1.640 ha (giảm 458 ha so với năm 2018), năng suất trung bình đạt 52 tạ/ha (tăng 3,7 tạ/ha so với năm 2018).

b. Cây lâu năm

- **Cây cà phê:** là cây trồng có diện tích lớn trên địa bàn huyện. Do vậy thời gian qua, Huyện đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh tái canh, ghép cải tạo đối với diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp (từ năm 2019 - 6/2021, toàn huyện trồng tái canh được 805 ha, ghép cải tạo được 795 ha) và thâm canh, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng cà phê trên địa bàn huyện. Đến cuối năm 2020, tổng diện tích cà phê toàn huyện ổn định trên 12.000 ha (trong đó diện tích cà phê catimor 150 ha); diện tích cho sản phẩm là

11.202 ha, năng suất đạt 30,86 tạ/ha (*tăng 3,16 tạ/ha so với năm 2018*). Hiện nay, còn 3.840 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp, trong thời gian tới cần tiếp tục tái canh hoặc ghép cải tạo; đồng thời, tiếp tục chỉ đạo, lồng ghép các nguồn vốn, vận động nhân dân đẩy mạnh việc trồng cây ăn quả xen trong vườn cà phê theo mục tiêu Nghị quyết đã đề ra.

- **Cây ăn quả:** Những năm gần đây, song song với việc thâm canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhiều nông hộ trên địa bàn huyện đã trồng xen các loại cây ăn quả như: Sầu riêng, Bơ, Mắc ca... vào diện tích sản xuất cà phê ổn định nhằm che bóng và tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Ngoài ra, trên địa bàn huyện cũng xuất hiện nhiều mô hình trồng thuần cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình chuối laba ở xã Đạ K'Nàng, mô hình trồng sầu riêng ở xã Đạ R'Sal, Rô Men, Liêng Srônh; mô hình trồng dừa trên đất dốc tại xã Rô Men... Đến tháng 6/2021, diện tích cây ăn quả toàn huyện đạt 1.621 ha (*tăng 791,8 ha so với 2018*), chủ yếu là các loại cây như: sầu riêng trên 650 ha, bơ 175 ha, ... Việc trồng cây ăn quả (*Sầu riêng, Bơ, Bưởi, Chôm chôm...*) xen diện tích cà phê hoặc trồng thuần, nhiều mô hình đã cho hiệu quả kinh tế cao.

- **Cây Mắc ca:** Phát triển các diện tích trồng xen trên diện tích cây công nghiệp, diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định (tại xã Phi Liêng và Đạ K'Nàng) nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Diện tích mắc ca trên địa bàn huyện tăng nhanh và bước đầu cho hiệu quả kinh tế cao; đến nay, toàn huyện có 835 ha (*770 ha trồng xen, 65 ha trồng thuần*), tăng 553 ha, tương đương tăng 196% so với 2018 (*năm 2018 diện tích Mắc ca toàn huyện là 282 ha*), lợi nhuận từ việc trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê tại xã Phi Liêng, Đạ K'Nàng tăng thêm khoảng 100 triệu đồng/ha so với chỉ trồng thuần cây Cà phê.

- **Cây dâu tằm:** Diện tích trồng dâu nuôi tằm của huyện năm 2018 là 304,6 ha. Những năm gần đây cùng với sự quan tâm chỉ đạo từ huyện đến cơ sở, việc trồng dâu nuôi tằm đang có bước phát triển, cho thu nhập ổn định nên nhiều nông hộ chuyển đổi diện tích trồng lúa một vụ hoặc bắp sang trồng dâu nuôi tằm. Do vậy, diện tích trồng dâu nuôi tằm trên 475 ha (*tăng 170,4 ha, tương đương tăng 55,9 % so với năm 2018*); thu nhập từ việc trồng dâu nuôi tằm tăng 5 - 6 so với trồng lúa hoặc bắp và gấp khoảng 2 - 2,5 lần so với trồng cà phê.

c. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Tính đến tháng 6/2021, toàn huyện có 98,5 ha diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao⁽¹⁾ (*đạt 0,48% diện tích canh tác*), trong đó: cây ăn quả 57 ha (*sầu riêng và chuối la ba*), rau 10 ha, nuôi cá nước lạnh 5,5 ha. Ngoài ra, còn 600

⁽¹⁾ Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng "Ban hành Quy định tạm thời tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

ha diện tích cây trồng đang thực hiện áp dụng các tiêu chí về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gồm có: cây ăn quả 480 ha (đạt 3/4 tiêu chí bắt buộc); cà phê 25 ha (đạt 3/5 tiêu chí bắt buộc); rau, đậu, ớt thương phẩm 95 ha (đạt 3/5 tiêu chí bắt buộc). Hiện tại, trên địa bàn huyện đã xây dựng 04 mô hình sản xuất nông nghiệp tiếp cận tiêu chí nông nghiệp thông minh (mô hình IoT - cảm biến kết nối internet để điều khiển tự động trong quá trình sản xuất) giúp cải thiện vi khí hậu trong nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu (tại xã Đạ K'Nàng và Phi Liêng).

2.2. Về chăn nuôi

Song song với phát triển trồng trọt, công tác phát triển chăn nuôi luôn được Huyện quan tâm chỉ đạo, nhất là quan tâm chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển đàn gia súc gắn với làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh. Đồng thời, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động phát triển chăn nuôi đi đôi với việc cải tạo đàn bò vàng địa phương, gắn chăn nuôi với trồng trọt nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ và hướng đến sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững. Từ năm 2019 đến tháng 6/2021, toàn huyện huyện đã thực hiện thụ tinh nhân tạo đạt 338/395 liều, trong đó: đã sinh 263 con bê lai, đang mang thai 32 con, đang theo dõi 18 con, số bò được thụ tinh nhưng không đậu thai 25 con.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2019 và diện tích đồng cỏ tự nhiên chăn thả đàn bò thu hẹp; mặt khác do chăn nuôi nhỏ lẻ, thu nhập thấp...nên đàn gia súc phục hồi, phát triển chậm. Hiện nay, tổng đàn gia súc 13.646 con (giảm 8.209 con so với năm 2018), trong đó: đàn trâu 155 con, đàn bò 5.746 con (NQ 10.000 con), đàn heo 6.830 con, đàn dê 915 con. Tổng đàn gia cầm toàn huyện là 177 nghìn con; diện tích nuôi cá nước lạnh trên địa bàn huyện phát triển mạnh, đến nay toàn huyện có 5,5 ha ao hồ (NQ 50 ha) nuôi cá nước lạnh, năng suất trung bình đạt từ 70 - 100 tấn/ha, tập trung chủ yếu ở Rô Men, Đạ M'Rông, Đạ Tông và Liêng S'rôn.

3. Kết quả đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn

Những năm qua, cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, ngành của tỉnh; huyện đã chủ động lồng ghép các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân với tổng nguồn vốn 470.911 triệu đồng, trong đó: đầu tư xây dựng công trình giao thông 261.341 triệu đồng; xây dựng thủy lợi, kênh mương nội đồng 61.106 triệu đồng; đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung 9.501 triệu đồng... Thông qua việc đầu tư các công trình hạ tầng nông thôn đã góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn ngày càng rõ nét; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

4. Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp

- Chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, Hợp tác xã vào nông nghiệp, nông thôn luôn được Huyện quan tâm chỉ đạo. Thời gian qua có 8 doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn⁽²⁾ và có 6/8 xã có doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho nông hộ, thúc đẩy xây dựng NTM trên địa bàn huyện.

- Qua 03 năm thực hiện Nghị quyết, Huyện đã tập trung chỉ đạo về phát triển kinh tế tập thể, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm; đến nay đã phát triển được 19 hợp tác xã, 8 tổ hợp tác và 13 trang trại⁽³⁾; các tổ chức hợp tác bước đầu đi vào hoạt động có hiệu quả. Ngoài ra, công tác chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng chuỗi liên kết, tiêu thụ nông sản, Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm (OCOP) cũng được triển khai đồng bộ. Toàn huyện đã xây dựng được 10 chuỗi liên kết⁽⁴⁾ sản xuất tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và các tổ chức, nông hộ với tổng số hộ tham gia 250 hộ; huyện có 3 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh (*cà phê rang xay GLOBEANS, hạt Mắc ca sấy và chuỗi Laba*). Mặc khác, huyện đang tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát các sản phẩm tiềm năng, chủ lực của huyện để lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận sản phẩm OCOP như: trà dây rừng, dứa, sầu riêng, cá tầm, nhang trầm...

5. Công tác quản lý bảo vệ rừng

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được Huyện ủy, UBND huyện xem là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên, môi trường và khoáng sản huyện Đam Rông do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy làm Trưởng ban (*Quyết định số 86-QĐ/HU ngày 13/11/2020*). Chỉ đạo UBND huyện kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và thực hiện Đề án 1836 giai đoạn 2021 - 2025 huyện Đam Rông (*Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 16/3/2021*); ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quyết liệt các đơn vị liên quan nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm các quy định của Luật Lâm nghiệp; xây dựng kế hoạch khôi phục rừng trên địa bàn huyện⁽⁵⁾. Hàng tháng, lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện thường xuyên kiểm tra công tác QLVR tại các xã thường xảy ra vi phạm các quy định của Luật Lâm nghiệp, đặc biệt những khu vực

⁽²⁾ Doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp: Công ty TNHH Tân Lâm Nguyên, Công ty cổ phần GLOBEANS, Doanh nghiệp tư nhân Văn Thân, HTX nông nghiệp Đa K'Nang, HTX chuỗi laba Đa K'Nang, HTX nông nghiệp công nghệ cao, HTX cá tầm Việt Đức, HTX dầu tầm Rô Men....

⁽³⁾ 19 HTX gồm: 18 HTX về dịch vụ nông nghiệp và 01 HTX về dịch vụ vận tải; 8 tổ hợp tác gồm: 2 THT chăn nuôi bò thịt, 2 THT chăn nuôi heo thịt, 2 THT sản xuất cà phê và 2 THT dịch vụ nông nghiệp; 13 trang trại gồm: 07 trang trại trồng trọt, 05 tổng hợp, 01 chăn nuôi.

⁽⁴⁾ Trong đó: 03 chuỗi đầu tầm (*Đa R'Sal, Rô Men, Phi Liêng*); 02 chuỗi chuỗi Laba (*Đa K'Nang, Phi Liêng*); 02 chuỗi rau (*Đa K'Nang, Phi Liêng*); 01 chuỗi Mắc ca (*Phi Liêng*); 01 chuỗi nuôi cá tầm (*Rô Men*); 01 chuỗi sầu riêng (*Đa R'Sal*).

⁽⁵⁾ Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 23/11/2020; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 13/5/2021 “V/v trồng 4,4 triệu cây xanh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025”; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 15/6/2021 “V/v trồng cây xanh năm 2021 trên địa bàn huyện”.

điểm nóng về phá rừng trái phép, các khu vực giáp ranh giữa huyện Đam Rông với huyện Lâm Hà; huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông... Thông qua các đợt kiểm tra đã kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn huyện, công tác phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hàng năm.

Từ năm 2019 đến tháng 6/2021, trên địa bàn huyện xảy ra 299 vụ vi phạm các quy định của Luật Lâm nghiệp; trong đó: đã xử lý 299 vụ (261 vụ hành chính; 38 vụ hình sự), lâm sản tịch thu 785 m³ (gỗ tròn 630,9m³, gỗ xẻ các loại 154,1m³), thu nộp ngân sách nhà nước 1.776,26 triệu đồng. Do làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng nên đến cuối năm 2020, tỷ lệ độ che phủ rừng trên địa bàn huyện duy trì ổn định 65%, tăng 0,36% so với năm 2018 (năm 2018, tỷ lệ độ che phủ rừng là 64,64%).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:

- Nghị quyết số 12-NQ/HU, ngày 10/7/2019 của Huyện ủy là một chủ trương lớn, thiết thực, rất đúng đắn và phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện trong thời gian qua.

- Trước khi Nghị quyết được ban hành (năm 2018) năng suất các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn còn thấp (lúa 46,8 tạ/ha; bắp 48,3 tạ/ha, cà phê 27,7 tạ/ha), sản xuất chưa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; kết cấu hạ tầng nông thôn chưa đồng bộ. Qua hơn 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết với tinh thần chủ động, nỗ lực với quyết tâm chính trị cao; đến nay đạt được những kết quả tích cực, năng suất các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện tăng, bộ mặt nông thôn trên địa bàn huyện thay đổi rõ rệt. Kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư cơ bản đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn huyện được nâng cao.

- Công tác khuyến nông được quan tâm chỉ đạo, tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất góp phần thay đổi tập quán canh tác, chăn nuôi trong nhân dân. Tăng trưởng ngành nông nghiệp tiếp tục tăng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng. Các chỉ tiêu quan trọng theo Nghị quyết đề ra cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch, diện tích canh tác duy trì ổn định, bền vững hơn qua từng năm. Hình thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn và có nhiều mô hình sản xuất có giá trị cao như: Vùng sản xuất lúa 3 xã Đam Ròn cơ bản sản xuất đồng trà, đồng vụ, năng suất tăng 4,3 % so với thời điểm Nghị quyết chưa ban hành (năm 2018); vùng trồng cây ăn quả (sầu riêng, bơ, bưởi da xanh) tại các xã Đạ R'Sal, Liêng S'rôn, Rô Men; vùng trồng xen Mắc ca trong vườn cà phê tại xã Đạ K'Nang, Phi Liêng, ... đặc biệt, đã chuyển đổi hơn 70 ha đất sản xuất kém hiệu

quả ven sông, suối tại khu vực 3 xã Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long sang trồng dâu nuôi tằm mang lại hiệu quả kinh tế cao (*tăng 5 - 6 lần so với trồng lúa*).

- Các hình thức tổ chức sản xuất như: Trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp được quan tâm phát triển; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ; xuất hiện nhiều mô hình liên kết sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong nhân dân. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được quan tâm chỉ đạo, đến cuối năm 2020 trên địa bàn huyện có 03 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh; đây là tiền đề để huyện tiếp tục hỗ trợ, xây dựng và phát triển các sản phẩm tiềm năng của huyện nhằm thúc đẩy sản xuất, liên kết, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng, phục hồi rừng, trồng rừng được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, có lộ trình cụ thể. Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định và tăng dần qua từng năm (*năm 2020 tỷ lệ độ che phủ rừng tăng 0,36% so với năm 2018*), số vụ vi phạm các quy định của Luật Lâm nghiệp được xử lý năm sau cao hơn năm trước góp phần răn đe, giáo dục phòng ngừa vi phạm.

2. Những tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Cấp ủy, chính quyền một số xã chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chưa mạnh dạn đề xuất, nhân rộng các mô hình sản xuất mới, hiệu quả kinh tế cao.

- Năng suất các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn như lúa, bắp, cà phê tăng chậm; đàn vật nuôi giảm mạnh, không đạt mục tiêu đề ra, nhất là đàn heo (*hiện nay đàn heo có 5.860 con, giảm 11.547 con và không đạt mục tiêu Nghị quyết 22.000 con*). Diện tích nuôi cá nước lạnh trên địa bàn huyện tuy phát triển nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra (*mục tiêu Nghị quyết 50 ha*), chưa có quy hoạch nên khó khăn trong việc quản lý và sử dụng hài hòa nguồn nước giữa nuôi cá nước lạnh với trồng trọt.

- Một bộ phận người dân đời sống còn nhiều khó khăn nên chưa mạnh dạn tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm nghiệp tuy đã được quan tâm nhưng do chi phí đầu tư lớn nên việc nhân rộng vẫn còn hạn chế.

- Đầu tư, hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp còn dàn trải, một số xã chưa thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến nông; việc chọn hộ để xây dựng các điểm trình diễn mô hình sản xuất còn bất cập, chưa cụ thể nên hiệu quả mang lại chưa cao.

- Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch chưa được quan tâm đúng mức. Mối liên kết giữa 4 nhà “*nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà đầu tư (doanh nghiệp, ngân hàng)*” chưa chặt chẽ, việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng của nông hộ còn hạn chế; do đó đã làm hạn chế, cản trở, ảnh hưởng đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Ngoài ra, từ cuối năm 2019 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã làm ảnh hưởng đến việc sản xuất trên địa bàn huyện, như: sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ khó khăn, giá cả thấp....

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

- Công tác tuyên truyền, quán triệt và cụ thể hóa nội dung của Nghị quyết tại một số xã chưa chặt chẽ, sâu rộng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đúng về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chưa mạnh dạn ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất. Việc lồng ghép các nội dung của Nghị quyết vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại một số xã chưa đồng bộ, phù hợp với xu hướng phát triển sản xuất tại địa phương.

- Công tác chỉ đạo thu hút đầu tư, nhất là đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến sau thu hoạch, cơ giới hóa sản xuất và xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

- Những năm gần đây tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện có nhiều bước phát triển. Nhưng do huyện xuất phát điểm thấp, tích lũy trong nhân dân còn hạn chế nên nông hộ chưa mạnh dạn, thiếu vốn đầu tư ứng dụng khoa học, giống mới vào sản xuất.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng luôn được quan tâm chỉ đạo sâu sát, quyết liệt. Nhưng huyện có diện tích đất lâm nghiệp lớn, địa hình đồi dốc; các đối tượng vi phạm hoạt động ngày càng tinh vi, phức tạp và có tổ chức, thường thực hiện hành vi vào ban đêm và ngày nghỉ, có cất cử người theo dõi lực lượng bảo vệ rừng nên khó khăn trong công tác quản lý bảo vệ rừng, vẫn còn xảy ra nhiều vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên; trong thời gian tới huyện sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo các cấp, ngành tập trung triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ của Nghị quyết số 12-NQ/HU, ngày 10/7/2019 của Huyện ủy và Kế hoạch số 108/KH-UBND, ngày 01/10/2019 của UBND huyện “*V/v thực hiện Nghị quyết 12-NQ/HU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện*”

Đam Rông” đã đề ra với quyết tâm chính trị cao, tạo tiền đề để thực hiện hoàn thành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

2. Chỉ đạo bố trí nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng, giao thông nội đồng. Đầu tư nguồn lực để xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến nông sản sau thu hoạch. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với quy hoạch từng vùng, xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh trên địa bàn huyện.

3. Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn để đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, tập trung xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm gắn với việc thường xuyên quan tâm, giới thiệu các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối với các sàn giao dịch nông sản điện tử để thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, tiềm năng của huyện nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ. Đồng thời, xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà “*nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà đầu tư (doanh nghiệp, ngân hàng)*” để tạo điều kiện thuận lợi cho nông hộ thuận lợi tiếp cận các nguồn vốn, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể hoạt động sản xuất gắn với xây dựng chuỗi liên kết cung ứng vật tư đầu vào đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Tập trung xây dựng, phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành có thế mạnh của huyện theo hướng phát triển sản phẩm sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao phù hợp với thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và điều kiện cụ thể của địa phương.

4. Tập trung chuyển đổi những diện tích sản xuất kém hiệu quả sang trồng các loại cây có năng suất cao. Tiếp tục chuyển đổi diện tích trồng lúa 1 vụ, diện tích ngô kém hiệu quả, đất bãi bồi ven sông, suối để trồng dâu nuôi tằm tại khu vực 3 xã Đầm Ròn; tái canh, ghép cải tạo cà phê kết hợp trồng xen cây ăn quả trên diện tích cà phê già cỗi; sử dụng các cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, thích ứng với khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường.....

5. Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề nông thôn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, Đảng viên, viên chức cấp xã và đội ngũ khuyến nông từ huyện đến cơ sở, gắn lý thuyết với thực hành. Đổi mới hoạt động khuyến nông, cách tiếp cận và triển khai đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, bảo vệ thực vật theo hướng tiếp cận nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

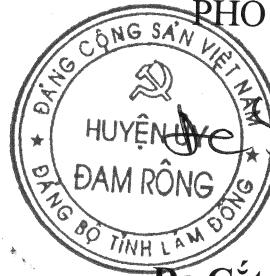
6. Tập trung chỉ đạo các đơn vị liên quan nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng. Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, tăng cường các hoạt động bảo vệ rừng và PCCCR; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Tập trung chỉ đạo, nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng, trồng cây phân tán, trồng xen cây đa mục đích trên diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định. Thực hiện tốt công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng theo chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để phát triển rừng, tranh thủ các nguồn lực từ các tổ chức kinh tế để phát triển kinh tế rừng gắn với các dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dưới tán rừng.

Trên đây là báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/HU ngày 10/7/2019 của Huyện ủy Đam Rông về sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện Đam Rông.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh,
- TT HU, HĐND, UBND huyện,
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Đảng ủy, UBND các xã,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu: VPHU.

**T/M HUYỆN ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cát K'Hương



ĐẢNG BỘ CHÍNH LÃM ĐỒNG
HUYỆN BUI ĐAM RỒNG

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 30 tháng 8 năm 2021

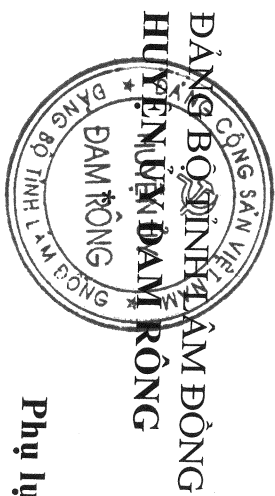
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2019 - 2021

(Kèm theo Báo cáo số 76 -BC/HU ngày 30/8/2021 của Huyện ủy Đam Rông)

TT	Hạng mục dự án	Đơn vị tính	Năm 2018	Mục tiêu Nghị quyết đề ra	Kết quả thực hiện						TH Giai đoạn 2019 - 2021	
					Năm 2019		Năm 2020		ước TH Năm 2021			
					Kết quả	So sánh năm 2018 (%)	Kết quả	So sánh năm 2019 (%)	Kết quả	So sánh năm 2020 (%)		
1	Nông nghiệp	ha	19,213.1	19,000.0	19,750.0	2.8	20,535.0	4.0	20,338.0	-1.0	20,338.0	7.04
-	DT trồng cây lâu năm	ha	13,905.6		14,519	4.41	15,369	5.85	15,709	2.21		
-	DT trồng cây hàng năm	ha	5,307.5		5,231	-1.44	5,166	-1.24	4,629	-10.39		
1.1	Trồng trọt	ha	18,735.9		20,274	8.21	20,730	2.25	21,051	1.55		
-	DT Lúa	ha	2056		2,050	-0.29	1,857	-9.41	1,807	-2.69		
-	DT Bắp	ha	2098		2,103	0.24	2,105	0.10	1,640	-22.09		
-	DT Cây cà phê	ha	11,760.1	8,500	12,010	2.12	12,101	0.76	12,251	1.24	12,251	44.13
	Tái canh, ghép cải tạo		700.0	1,400	700		450		450		1,600	14.29
	Tái canh	ha	300		450	50.00	175	-61.11	180	2.86	805	
	Ghép cải tạo	ha	400		250		275	10.00	270	-1.82	795	
-	Điều	ha	303		303	0.00	278	-8.25	280	0.72		
-	Ca cao	ha	158.7		158	-0.44	129	-18.35	129	0.00		
-	Cao su	ha	165		165	0.00	89	-46.06	89	0.00		
-	Cây Mắc ca	ha	282	1,000	450	59.57	695	54.44	835	20.14	835	-16.50
	Trồng thuần	ha	12		35		60	71.43	65	8.33		

	<i>Trồng xen</i>	ha	270			415				635	53.01	770	21.26		
-	DT trồng Đậu nuôi tằm	ha	304,6			375	23.11			425	13.33	475	11.76		
-	DT Sầu Riêng	ha	120			285	137.50			420	47.37	550	30.95	1,255	
	<i>Trồng thuần</i>	ha				30				85		140		140	
	<i>Trồng xen</i>	ha				255				335		410		410	
-	Diện tích cây bơ	ha	61.5			126	104.88			163	29.37	175	7.36	441	
	<i>Trồng thuần</i>	ha				8				15		15		15	
	<i>Trồng xen</i>	ha				118				148		160		426	
-	Diện tích chuối Laba	ha	45	300		105	133.33			160	52.38	220	37.50	220	-26.67
-	Cây ăn quả khác...	ha				333				305	-8.41	320	4.92		
1.2	Chăn nuôi														
-	Đàn heo	con	24,705			14,377	-41.81			10,130	-29.54	13,002	28.35		
-	Đàn trâu	con	17,407	22,000		7,736	-55.56			3,706	-52.09	5,860	58.12	5,860	-73.36
-	Đàn bò	con	173			160	-7.51			163	1.88	165	1.23		
-	Đàn Dê	con	6204	10,000		5,564	-10.32			5,256	-5.54	5,890	12.06	5,890	-41.10
-	Đàn gia cầm	nghìn con	86.2			840	0.60			903	7.50	910	0.78		
1.3	Thủy sản	ha	110	50		77	-10.67			102	32.47	177	73.53		
-	Diện tích nuôi truyền thống	ha	110			105	-4.55			175.6	67.24	176.0	0.23	176	252.00
-	DT nuôi cá nước lạnh	ha		50		101	-8.18			170.6	68.91	169	-1.11		
2	Sản xuất Nông nghiệp CNC					4	5.00			5	25.00	7.3	46.00	7.3	-85.40
-	Diện tích nhà kính, nhà lưới	ha													
-	<i>Nhà kính</i>	ha													
-	<i>Nhà lưới</i>	ha													
-	DT sản xuất nhà kính	ha													
-	Giá trị sản xuất bình quân/ha sản xuất CNC	ha				11				16	45.45	17	6.25		
-	DT sản xuất tiêu chuẩn VIETGAP	ha													
3	Chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả					5				33	560.00	99	198.48		

-	Trên đất lúa	ha				45			55	22.22	75	36.36		
-	Trên đất điều	ha				35			44	25.71	45	2.27		
-	Cây trồng khác	ha				675			458	-32.15	420	-8.30		
4	Kinh tế tập thể (phát triển mới)													
-	Hợp tác xã	HTX	6	12	12	100.00	17	41.67	19	11.76	19.00	58.33		
-	Tổ hợp tác	THT	3	5	5	66.67	8	60.00	8	0.00	8.00	60.00		
-	Trang trại	TT	10	12	12	20.00	13	8.33	13	0.00	13.00	8.33		
5	Số chuỗi liên kết sản xuất													
-	Số chuỗi liên kết sản xuất	chuỗi		3	3		9	200.00	10	11.11	10.00	233.33		
-	Số Doanh nghiệp/HTX tham gia	đơn vị		3	3		9	200.00	10	11.11	10.00	233.33		
-	Số hộ liên kết	hộ			75		225	200.00	250	11.11				
6	Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm (OCOP)	Sản phẩm					3		5	66.67	8			



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
 Dam Rông, ngày 30 tháng 8 năm 2021

Phụ lục 02: TỔNG HỢP NĂNG SUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHỦ LỰC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2019 - 2021
(Kèm theo Báo cáo số 76 -BC/HU ngày 30/8/2021 của Huyện ủy Dam Rông)

TT	Loại cây trồng	Đơn vị tính	Năm 2018	Kết quả thực hiện						So sánh năm 2021 với năm 2018
				Năm 2019		Năm 2020		ước TH Năm 2021		
				Kết quả	So sánh năm 2018 (%)	Kết quả	So sánh năm 2018 (%)	Kết quả	So sánh năm 2020 (%)	
1	Lúa	tạ/ha	46.8	48.4	3.4	48.8	0.83	48.1	-1.43	2.78
2	Bắp	tạ/ha	48.3	48.5	0.4	50.0	3.09	46.7	-6.60	-3.31
3	Cà phê	tạ/ha	27.7	27.9	0.7	30.9	10.61	30.9		11.41
5	Điều	tạ/ha	6	6.0	-	6.0	0.00	6.0		0
8	Cây Mắc ca	tạ/ha	14	15.0	7.1	15.0	0.00	15.0		7.14
9	Dầu tấm	tạ/ha	150	185.0	23.3	186.0	0.54	186.0		24
10	Sầu Riêng	tạ/ha	14.7	15.0	2.0	15.2	1.33	15.2		3.4
11	Bơ	tạ/ha	100	140.0	40.0	140.2	0.14	140.2		40.2
12	Chuối Laba	tạ/ha	215	215.0	-	215.0	0.00	216.0	0.47	0.5



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 30 tháng 8 năm 2021

**Phụ lục 03 : BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2019-2021**

(Kèm theo Báo cáo số: 76 -BC/HU ngày 30/8/2021 của Huyện ủy Dam Rông)

TT	Nguồn vốn	Tổng vốn (Tr.đồng)	Thực hiện			Ghi chú
			Năm 2019	Năm 2020	ước TH Năm 2021	
I	Phát triển sản xuất					
1	Nguồn vốn SNNN	41,326	13,092	15,049	13,185	
2	Nguồn vốn 30a	4,200	1,350	1,350	1,500	
3	Vốn 135	15,491	7,841	7,650	0	
4	Chuyển đổi nâng cao chất lượng giống cây trồng	2,886	1,519	1,367		
5	Vốn Tài canh	532		332	200	
6	Vốn Khoa học công nghệ	271	271			
7	Đề án phát triển dâu tằm	2,500	500	1,000	1,000	
8	Phát triển UDNNCNC	870	150	570	150	
9	NTM	524	111	113	300	
10	Phát triển diện tích đất lúa	2,192	1,100	1,092		
11	Chương trình mỗi xã 1 sản phẩm	1,221	150	531	540	
12	Cơ giới hóa	815	100	645	70	
13	Đề án phát triển sản xuất cho hộ nghèo 2021 - 2025	400		400		
II.	Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn	9,425			9,425	
1	Công trình giao thông	470,911	135,601	87,908	247,402	
2	Công trình thủy lợi	261,341	75,174	57,588	128,579	
		61,106	9,144	10,770	41,192	

3	Công trình trường học	79,528	38,497	9,245	31,786	
4	Công trình văn hóa	12,115	3,790	3,751	4,574	
5	Công trình khác (trụ sở huyện, xã, môi trường, điện....)	56,821	8,996	6,554	41,271	
III.	Vốn tín dụng (dư nợ cuối năm)	728,508	250,000	211,131	267,377	
Tổng cộng		1,240,745	398,693	314,088	527,964	

DẢNG BỘ LÍNH LÂM ĐỒNG
HUYỆN ỦY ĐAM RỒNG



DẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 30 tháng 8 năm 2021

Phụ lục 04: BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VI PHẠM LƯẬT LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2019 - 2021
(Kèm theo báo cáo số: 76-BC/HU ngày 30/8/2021 của Huyện ủy Đam Rông)

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	Tổng giai đoạn 2019 - 6/2021
				Số vụ	So sánh năm 2018 (%)	Số vụ	So sánh năm 2019 (%)		
I	Số vụ vi phạm	Vụ	76	122	60.53	132	8.20	45	299.0
1	Khai thác rừng trái phép	Vụ	31	44	41.94	40	-9.09	13	97.0
	Khối lượng lâm sản thiệt hại	m ³	167.401	209.7	25.27	239.39	14.16	149.66	598.8
2	VPQĐ về PC&CCR gây cháy rừng	Vụ		1					1.0
3	Phá rừng trái pháp luật	Vụ	19	24	26.32	43	79.17	18	85.0
3.1	Tổng diện tích	m ²	95.335	121.860	27.82	174.510	43.21	48.255	344625.0
3.2	Lâm sản thiệt hại	m ³	192.79	788.5	308.99	442.83	-43.84	129.725	1361.1
4	Vận chuyển lâm sản trái pháp luật	Vụ	8	17	112.50	19	11.76	6	42.0
	Khối lượng gỗ	m ³	7.43	19.76	165.95	27.33	38.31	6.354	53.4
5	Mua, bán, cất giữ,... LS trái QĐ của NN	Vụ	15	36	140.00	30	-16.67	8	74.0
	Khối lượng gỗ	m ³	22.199	65.93	197.00	42.43	-35.64	9.106	117.5
II	Số vụ đã xử lý	Vụ	76	122	60.53	132	8.20	45	299.0
1	Xử lý hình sự	Vụ	7	17	142.86	15	-11.76	6	38.0
2	Xử phạt hành chính	Vụ	69	105	52.17	117	11.43	39	261.0
III	Lâm sản tịch thu	m³	122.117	175.641	43.83	435.76	148.10	173.650	785.1
3.1	Gỗ tròn	m ³	91.889	120.357	30.98	361.51	200.36	149.075	630.9
3.2	Gỗ xẻ	m ³	30.228	55.284	82.89	74.25	34.31	24.575	154.1
IV	Thu nộp ngân sách	1000đ	445,447	650,130	45.95	614,201	-5.53	511,927	1,776,258